

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày 19 - 9 - 2025
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ch

Bà Nguyễn Thị H

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 1 - P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Duy H - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - P xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 về
việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
27/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số:
33/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (Đ).

Địa chỉ trụ sở: 198 T, phường L, quận H, thành phố H (nay là phường H, thành
phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc N; ông Trần Đình Th (Theo văn
bản ủy quyền số 15.04/2025/UQ-Đ ngày 15/4/2025). (Ông N có mặt).

**- Bị đơn: Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1985 và chị Hứa Thị H, sinh năm
1993.**

ĐKKHKT: Khu 3, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là xã Hy Cương, tỉnh P).
(Anh L vắng mặt, chị H xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ
(viết tắt là Đ) do ông Nguyễn Ngọc Nam là người đại diện theo ủy quyền trình bày:
Anh Phạm Hoàng L và vợ là chị Hứa Thị H vay vốn tại Ngân hàng Đ Gia Lâm - Chi
nhánh Long Biên theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:*

*- Hợp đồng tín dụng số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020,
số tiền vay là 395.000.000đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay từ
ngày 26/8/2020 đến ngày 25/8/2027, mục đích sử dụng vốn vay để mua xe ô tô phục*

vụ đi lại, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,69%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất cơ sở do Đ ban hành từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là ngày 25/8/2021, ngày điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở của Đ đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 4,39%/năm. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 25/8/2020, Đ đã giải ngân, anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã nhận nợ số tiền gốc là 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

- Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ VISA) ngày 26/7/2020 với hạn mức được cấp là 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*).

* Tài sản bảo đảm cho khoản vay: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, màu Trắng. Số khung: 41BBLN037363, số máy: G4LCLU355615, BKS: 19A - 315.79. Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049565 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/8/2020. Giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm phát vay: 495.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng*). Tài sản bảo đảm trên được Đ cùng anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2023400122/HDTC/HN6-PHL ngày 25/8/2020.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Đ. Đ đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H trả nợ nhưng anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H vẫn không thực hiện theo yêu cầu của ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 19/9/2025, anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã thanh toán được cho Đ số tiền là: 69.134.206đ (*Sáu mươi chín triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm linh sáu đồng*), cụ thể:

- Nợ gốc: 42.327.000đ (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng*);
- Nợ lãi trong hạn: 26.414.409đ (*Hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, bốn trăm linh chín đồng*);
- Nợ lãi quá hạn: 392.797đ (*Ba trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng*).

Anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H, phát sinh nợ quá hạn từ ngày 15/6/2021 đến nay. Ngày cuối cùng anh L và chị H trả nợ cho Đ là ngày 15/6/2021.

Căn cứ thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký và các tài liệu kèm theo khác, Đ đã quyết định thu hồi trước hạn toàn bộ khoản vay của anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H.

Tạm tính đến ngày 19/9/2025, anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H còn nợ Đ số tiền 679.734.606đ (*Sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng*), cụ thể:

- Dư nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020 như sau:

+ Nợ gốc: 352.673.000đ (*Ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

+ Nợ lãi trong hạn: 149.774.559đ (*Một trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng*);

+ Nợ lãi quá hạn: 115.954.932đ (*Một trăm mười lăm triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*);

+ Nợ lãi chậm trả: 36.670.917đ (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng*).

- Dư nợ theo Thẻ VISA ngày 26/7/2020 như sau:

+ Nợ gốc: 8.499.468đ (*Tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*);

+ Nợ lãi: 16.161.730đ (*Mười sáu triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*).

Như vậy, tại thời điểm hiện nay anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với Đ theo các Hợp đồng, văn bản đã ký với Đ.

* Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Đ, Đ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 - P giải quyết các nội dung sau:

- Buộc anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc và lãi của hai Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/9/2025 là 679.734.606đ (*Sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng*), cụ thể:

+ Dư nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020 như sau: Nợ gốc: 352.673.000đ (*Ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*); Nợ lãi trong hạn: 149.774.559đ (*Một trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng*); Nợ lãi quá hạn: 115.954.932đ (*Một trăm mười lăm triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*); Nợ lãi chậm trả: 36.670.917đ (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng*).

+ Dư nợ theo Thẻ VISA ngày 26/7/2020 như sau: Nợ gốc: 8.499.468đ (*Tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*); Nợ lãi: 16.161.730đ (*Mười sáu triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*).

- Buộc anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản tiền lãi, phí...phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020 và Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ VISA) ngày 26/7/2020 kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Cụ thể tài sản bảo đảm: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, màu Trắng, Số khung: 41BBLN037363, số máy: G4LCLU355615, BKS: 19A - 315.79 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 049565 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/8/2020.

- Căn cứ vào Điều 4 của Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020 về áp dụng Điều kiện giao dịch chung và khoản 4 Điều 4 của Điều kiện giao dịch chung đề nghị Tòa án tuyên nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại (các) tài sản và nguồn thu khác của anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Đ.

- Bị đơn anh Phạm Hoàng L vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 19/8/2025 anh Phạm Hoàng L trình bày: Ngày 25/8/2020, vợ chồng anh là Phạm Hoàng L và Hứa Thị H có ký Hợp đồng vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL của Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Long Biên, phòng giao dịch Gia Lâm vay số tiền 395.000.000đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 26/8/2020 đến ngày 25/8/2027, mục đích để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại. Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng anh đủ số tiền trên để anh mua chiếc xe Hyundai ACCENT, biển kiểm soát 19A - 315.79. Sau đó vợ chồng anh thế chấp khoản vay này bằng chính chiếc xe ô tô trên. Chữ ký và chữ viết của vợ chồng anh trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp xe ô tô là đúng của vợ chồng anh. Trong Hợp đồng tín dụng anh bị sai số chứng minh nhân dân nên anh không biết là anh có được nhận tiền để mua chiếc xe trên hay không nhưng buổi sáng anh ký Hợp đồng tín dụng thì buổi chiều cùng ngày 25/8/2020 anh đã lấy chiếc xe Hyundai ACCENT, biển kiểm soát 19A – 315.79 về sử dụng từ đó đến nay. Chiếc xe ô tô trên hiện nay vẫn đang đứng tên anh và anh vẫn đang sử dụng. Anh đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo pháp luật.

Bị đơn chị Hứa Thị H nhiều lần được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng. Ngày 10/9/2025, Tòa án đã có Công văn số: 120/2025/TA-VT gửi Công ty TNHH Sein Together Kee Eun Việt Nam, địa chỉ khu công nghiệp Thụy Vân, phường Nông Trang, tỉnh P nơi chị H làm việc với nội dung: Giao các văn bản tố tụng và lấy lời khai của chị Hứa Thị H, thời gian vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 11/9/2025, địa điểm tại trụ sở Công ty TNHH Sein Together Kee Eun Việt Nam và tại bản tự khai ngày 11/9/2025, chị Hứa Thị H trình bày: Tại Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020 và Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 26/7/2020 thể hiện bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Long Biên, phòng giao dịch Gia Lâm và bên vay là vợ chồng chị là anh Phạm Hoàng L và Hứa Thị H. Hợp đồng vay thể hiện anh chị có hai khoản vay là 395.000.000đ (Ba trăm chín

mười lăm triệu đồng) và 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng). Mục đích để mua xe ô tô phục vụ đi lại. Chữ ký và chữ viết họ tên Hứa Thị H trong hợp đồng trên đúng là của chị. Trong Hợp đồng thế chấp số: REF2023400122/HDTC/HN6-PHL ngày 25/8/2020 bên thế chấp là vợ chồng chị là anh Phạm Hoàng L và Hứa Thị H, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Long Biên, phòng giao dịch Gia Lâm. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Hyundai ACCENT, biển kiểm soát 19A - 315.79. Chữ ký và chữ viết họ tên Hứa Thị H trong Hợp đồng thế chấp xe ô tô trên đúng là của chị. Do công việc của chị rất bận không thể xin nghỉ được nên chị đề nghị Tòa án xin giải quyết vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 16 Điều 4, Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; 299, 301, 323; 385, 398, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với vợ chồng anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

- Buộc anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 19/9/2025 theo hai Hợp đồng tín dụng là 679.734.606đ (Sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng), cụ thể:

+ Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTC/HN6-PHL ngày 25/8/2020 như sau: Nợ gốc: 352.673.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng); Nợ lãi trong hạn: 149.774.559đ (Một trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng); Nợ lãi quá hạn: 115.954.932đ (Một trăm mười lăm triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng); Nợ lãi chậm trả: 36.670.917đ (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng).

+ Theo Thẻ VISA ngày 26/7/2020 như sau: Nợ gốc: 8.499.468đ (Tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng); Nợ lãi: 16.161.730đ (Mười sáu triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trong trường hợp Anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: REF2023400122/HDTCHN6-PHL ngày 25/8/2020 là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, màu Trắng. Số khung: 41BBLN037363, số máy: G4LCLU355615, BKS: 19A - 315.79. Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049565 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/8/2020 đứng tên anh Phạm Hoàng L để thu hồi nợ theo quy định.

- Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành xác minh, xử lý (các) tài sản và nguồn thu khác của anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ với bị đơn anh Phạm Hoàng L và vợ là chị Hứa Thị H. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 3, (xã Thanh Đình cũ), xã Hy Cương, tỉnh P. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - P là đúng pháp luật.

Anh Phạm Hoàng L được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Chị Hứa Thị H xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng TMCP Đ là bên cho vay và vợ chồng anh Phạm

Hoàng L, chị Hứa Thị H là bên vay có ký kết với nhau 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Thứ nhất: Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020; Số tiền vay 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*); Thời hạn cho vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân là 25/8/2020 đến ngày đến hạn là 25/8/2027; Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại; Lãi suất cho vay, phí: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 9,69%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất cơ sở do Đ ban hành từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 25/8/2021, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) lãi suất cơ sở của Đ đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 4,39%/năm; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn; Kỳ trả nợ gốc, lãi: Bên vay phải trả nợ gốc cho Đ theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 (sau đây gọi là kỳ trả nợ gốc). Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/9/2020, tổng cộng gồm 84 kỳ. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 4.703.000đ (*Bốn triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng*), riêng kỳ cuối cùng trả 4.651.000đ (*Bốn triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn đồng*) vào ngày 25/8/2027; Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Đ theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 15 (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/9/2020.

Ngày 25/8/2020, Ngân hàng Đ đã giải ngân cho vợ chồng anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H số tiền 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*) và tại Ủy nhiệm chi ngày 25/8/2020 anh Phạm Hoàng L đã ủy nhiệm cho Ngân hàng Đ chuyển tiền vào đơn vị nhận tiền là Công ty Cổ phần Hyundai Phạm Văn Đồng số tài khoản 21410005566888 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Đông Hà Nội số tiền 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*) với nội dung là thanh toán tiền mua xe theo HĐMB số 1371/HDMB-HPVD/2020 và bằng Lệnh chuyển tiền khách hàng (MT103) ngày 25/8/2020: Ngân hàng gửi lệnh: Ngân hàng TMCP Đ - Hội sở chính Hà Nội; Ngân hàng nhận lệnh: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển CN SGD 1; Ngày hiệu lực 25/08/2020; Loại tiền: VNĐ; Số tiền: 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*); Khách hàng chuyển tiền: Phạm Hoàng L; Ngân hàng phục vụ khách hàng chuyển tiền: Ngân hàng TMCP Đ - Hội sở chính Hà Nội; Ngân hàng phục vụ khách hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đông Hà Nội; Khách hàng thụ hưởng: Công ty Cổ phần Hyundai Phạm Văn Đồng; Nội dung chuyển tiền: Thanh toán tiền mua xe theo HĐMB số 1371/HDMB-HPVD/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã trả được 69.134.206đ (*Sáu mươi chín triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm linh sáu đồng*), trong đó tiền gốc là: 42.327.000đ (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng*); Tiền lãi trong hạn là: 26.414.409đ (*Hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, bốn trăm linh chín đồng*); Tiền lãi quá hạn: 392.797đ (*Ba trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng*).

- Thứ hai: Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ VISA) ngày 26/7/2020 hạn mức được cấp là 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*). Với thẻ tín dụng này, anh L, chị H đã rút và sử dụng số tiền gốc là 8.499.468đ (*Tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*), hiện nay trong thẻ tín dụng còn lại số tiền gốc chưa sử dụng là 15.500.532đ (*Mười lăm triệu, năm trăm nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng*). Từ ngày ký kết hợp đồng và sử dụng thẻ tín dụng đến nay, anh L, chị H chưa thanh toán khoản tiền gốc và lãi nào.

[2.2]. Căn cứ vào hai Hợp đồng tín dụng thấy rằng: Về hình thức của hai Hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L và chị H đều thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên Phạm Hoàng L và Hứa Thị H trong hai Hợp đồng tín dụng là đúng của anh chị. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bên cho vay có đầy đủ tư cách pháp nhân, người đại diện ký kết hợp đồng của bên cho vay là người có thẩm quyền được ký kết các hợp đồng với khách hàng, cả người ký kết hợp đồng của bên cho vay và bên vay có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Do vậy, về hình thức và nội dung của Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020 và Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ VISA) ngày 26/7/2020 là hợp pháp.

[2.3]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Đ khởi kiện buộc vợ chồng anh L, chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cụ thể như sau:

* Về khoản tiền gốc:

- Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020, số tiền đã giải ngân là 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*), anh L, chị H đã trả được số tiền gốc là 42.327.000đ (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng*). Số tiền gốc còn phải trả tính đến ngày 19/9/2025 là 352.673.000đ (*Ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

- Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ VISA) ngày 26/7/2020, số tiền hạn mức cho vay là 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*). Quá trình thực hiện hợp đồng anh L, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên thẻ tín dụng này hiện nay đã bị khóa. Anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã sử dụng số tiền gốc trong thẻ là 8.499.468đ (*Tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*) nhưng anh L, chị H chưa trả được khoản tiền gốc nào. Do đó số tiền gốc còn phải trả tính đến ngày 19/9/2025 là 8.499.468đ (*Tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*).

Như vậy, anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng cam kết, nên Ngân hàng Đ yêu cầu anh L, chị H phải trả tổng số tiền nợ gốc của hai Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/9/2025 là 361.172.468đ (*Ba trăm sáu mươi một triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*) là hoàn toàn có căn cứ.

* Về khoản tiền lãi:

Khi ký kết hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về lãi và trong quá trình thực hiện Hợp đồng, tại các thời điểm khác nhau Ngân hàng có sự điều chỉnh về lãi suất thông qua các Quyết định về việc ban hành lãi suất VND kỳ hạn 13/14 tháng của sản phẩm tiết kiệm linh lãi cuối kỳ và lãi suất cơ sở số: 3751/2021/QĐ-TGD ngày 18/3/2021; số 14206/2022/QĐ-TGD ngày 30/8/2022; số 16233/2022/QĐ-TGD ngày 28/9/2022; số 17734/2022/QĐ-TGD ngày 18/10/2022; số 20741/2022/QĐ-TGD ngày 02/12/2022; số 1244/2023/QĐ-TGD ngày 02/02/2023; số 4313/2023/QĐ-TGD ngày 31/03/2023; số 9560/2023/QĐ-TGD ngày 30/6/2023; số 10885/2023/QĐ-TGD ngày 24/7/2023; số 15686/2022/QĐ-TGD ngày 09/10/2023; số 2148/2024/QĐ-TGD ngày 22/02/2024. Các quyết định điều chỉnh lãi suất này đều phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nội dung thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020. Trong Hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả, các thỏa thuận này đều phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày 19/9/2025 anh L, chị H đã trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền lãi là 26.807.206đ (*Hai mươi sáu triệu, tám trăm linh bảy nghìn, hai trăm linh sáu đồng*), trong đó lãi trong hạn là 26.414.409đ (*Hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, bốn trăm linh chín đồng*); lãi quá hạn là 392.797đ (*Ba trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng*). Số tiền lãi tính đến ngày 19/9/2025 anh L, chị H còn phải trả là 302.400.408đ (*Ba trăm linh hai triệu, bốn trăm nghìn, bốn trăm linh tám đồng*). Trong đó: Tiền lãi trong hạn là: 149.774.559đ (*Một trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng*); Tiền lãi quá hạn là: 115.954.932đ (*Một trăm mười lăm triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*); Tiền lãi chậm trả là: 36.670.917đ (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng*).

- Đối với Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ VISA) ngày 26/7/2020, trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về lãi suất và thỏa thuận này phù hợp với quy định của Quyết định số: 1516/2915/QĐ-TGD ngày 21/4/2015 về việc quy định sản phẩm Thẻ của Ngân hàng TMCP Đ được thay thế bằng Quy định sản phẩm Thẻ dành cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đ số: 2412/2021/QĐ-TGD ngày 26/02/2021 cùng các phụ lục kèm theo và phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với thẻ tín dụng, anh L, chị H chưa trả được cho Ngân hàng Đ khoản tiền lãi nào. Số tiền lãi anh L, chị H phải trả tính đến ngày 19/9/2025 là 16.161.730đ (*Mười sáu triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*).

Căn cứ vào quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 5, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền lãi như trên là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo khoản vay của anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng Đ và vợ chồng anh L, chị H đã ký kết với nhau Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: REF2023400122/HDTC/HN6-PHL ngày 25/8/2020. Tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, màu Trắng. Số khung: 41BBLN037363, số máy: G4LCLU355615, Biển kiểm soát: 19A - 315.79. Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049565 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/8/2020 đứng tên anh Phạm Hoàng L. Anh L, chị H cũng thừa nhận vợ chồng anh chị đã thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng Đ bằng chính chiếc xe ô tô này. Chiếc xe ô tô hiện nay vẫn đứng tên anh L và anh L vẫn đang sử dụng. Anh L, chị H đều thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Hoàng L và Hứa Thị H trong Hợp đồng thế chấp này là đúng của anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định đối với chiếc xe ô tô nhưng anh L đã không hợp tác. Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp xe ô tô, ngày 29/7/2025, Tòa án có Công văn số: 84/2025/CV-TA gửi Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh P xác minh thông tin đối với chiếc xe nêu trên và tại Phiếu trả lời xác minh xe ngày 06/8/2025 của Đội đăng ký xe Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh P cung cấp đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai như sau: “*Biển số 19A-315.79; Ngày đăng ký: 21/8/2020; Chủ xe: Phạm Hoàng L; Địa chỉ: Khu 3, Thanh Đình, V, P; Mã định danh: 025085008801; Loại xe: Ô tô con nhãn hiệu: Hyundai; Số loại: ACCENT 1.4 AT màu sơn: Trắng; Dung tích xi lanh: 1368cm³; Số máy G4LCLU355615; Số khung RLUA341BBLN037363; Năm sản xuất: 2020; Số chỗ ngồi: 05; Trạng thái xe: Xe đang bị cầm cố thế chấp, có giấy của ngân hàng*”. Như vậy, tình trạng tài sản anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H đã thế chấp tại Ngân hàng Đ là đúng theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô đã ký kết.

Xét về về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: REF2023400122/HDTC/HN6-PHL ngày 25/8/2020 được ký kết xuất phát từ sự tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội, các bên tuân thủ đúng về hình thức, nội dung của hợp đồng, tuân thủ đúng quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm, do đó Hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

Tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp xe ô tô các bên có thỏa thuận:

“1. Bên thế chấp đồng ý thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình được nêu tại Điều 2 Hợp đồng này và dùng toàn bộ giá trị tài sản này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của bên thế chấp, đồng thời là Bên vay vốn/Bên được cấp tín dụng, đối với Đ phát sinh trước, tại hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn trong:

a) Nghĩa vụ hoàn trả tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phạt chậm trả, phạt vi phạm, chi phí xử lý tài sản thế chấp, các khoản chi phí và phải trả khác của Bên thế chấp theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2023400122/HDTC/HN6-PHL ký ngày 25/8/2020 và các Hợp đồng tín dụng/văn bản/thỏa thuận tín dụng khác ký giữa

Bên thế chấp và Saebank trong khoảng thời gian từ ngày 25/8/2020 đến ngày 25/8/2027”.

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 25/8/2020; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung 2017 và các Điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trong trường hợp anh L và chị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ là hoàn toàn có căn cứ.

[2.5]. Ngân hàng Đ đề nghị Tòa án tuyên nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại (các) tài sản và nguồn thu khác của anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ khoản 4 Điều 4 của Điều kiện giao dịch chung của Ngân hàng Đ và Điều 4 của Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020 ký giữa Ngân hàng Đ và vợ chồng anh L, chị H có thỏa thuận về nội dung này. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên khi ký kết Hợp đồng tín dụng không trái quy định của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Anh Phạm Hoàng L cho rằng anh bị sai số chứng minh nhân dân nên anh không biết là có được nhận tiền để mua chiếc xe ô tô hay không nhưng buổi sáng anh ký Hợp đồng tín dụng thì buổi chiều cùng ngày 25/8/2020 anh đã lấy chiếc xe ô tô Hyundai ACCENT, biển kiểm soát 19A – 315.79 về sử dụng từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng theo hồ sơ Ngân hàng Đ cung cấp thì Hợp đồng mua bán xe ô tô số: 1371/HDMB-HPVD/2020 ngày 17/6/2020 giữa bên mua (Bên A) là ông Phạm Hoàng L và bên bán (Bên B) Công ty cổ phần Hyundai Phạm Văn Đồng. Trong nội dung Hợp đồng thì bên B bán cho bên A một chiếc xe ô tô Hyundai, dòng xe Accent 1.4 AT 2020 (Accent 1.4 AT), xe mới 100%, màu trắng với giá là 501.000.000đ (*Năm trăm linh một triệu đồng*), bên A đặt cọc cho bên B số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Trong đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/7/2020 do anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H gửi Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Gia Lâm. Trong phần “A. Mục đích, phương thức sử dụng vốn và thông tin vay vốn” có nội dung vay mua ô tô tiêu dùng loại xe Hyundai ACCENT, số lượng 01 chiếc với giá là 501.000.000đ (*Năm trăm linh một triệu đồng*). Tại phần thông tin vay vốn ghi rõ vốn tự có là 106.000.000đ (*Một trăm linh sáu triệu đồng*); Số tiền vay/hạn mức cấp: 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*); thời hạn vay 84 tháng. Như vậy căn cứ vào Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020, số tiền vay 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*) đã được Ngân hàng Đ giải ngân ngay trong ngày 25/8/2020 và được Đ chuyển tiền bằng Lệnh chuyển tiền khách hàng (MT103) vào

số tài khoản 21410005566888 của Công ty cổ phần Hyundai Phạm Văn Đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đông Hà Nội. Do đã thanh toán đủ tiền nên cùng ngày 25/8/2020, Công ty cổ phần Hyundai Phạm Văn Đồng đã bàn giao chiếc xe ô tô trên cho vợ chồng anh Phạm Hoàng L, điều đó khẳng định anh L, chị H đã được nhận đủ số tiền 395.000.000đ (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*). Ngoài ra, quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng vợ chồng anh L đã thanh toán được cả gốc và lãi là 69.134.206đ (*Sáu mươi chín triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm linh sáu đồng*), trong đó tiền gốc đã trả là: 42.327.000đ (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng*); Sau khi trừ đi số tiền gốc đã trả thì số tiền gốc còn lại của Hợp đồng cho vay từng lần là 352.673.000đ (*Ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*). Do vậy anh L cho rằng do anh bị sai số CMND nên anh không biết là có được nhận tiền để mua chiếc xe trên hay không là không có căn cứ.

[4]. Trong hồ sơ vay vốn của vợ chồng anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H do Ngân hàng Đ cung cấp thấy rằng: Chứng minh nhân dân (CMND) của anh Phạm Hoàng L trong hồ sơ vay vốn ghi thông tin như sau: Họ và tên: Phạm Hoàng L, sinh ngày 24/6/1985; Nguyên quán và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thanh Đình, thành phố V, tỉnh P, số CMND: 131774213, ngày cấp 25/3/2019, nơi cấp: Giám đốc Công an tỉnh P. Sau khi anh L trình bày anh bị sai số CMND, Tòa án đã có Công văn số: 117/2025/CV-TA ngày 08/9/2025 gửi Phòng Cảnh sát quản lý hành chính - Công an tỉnh P để xác minh thông tin liên quan đến số chứng minh nhân dân và các thông tin thay đổi số chứng minh nhân dân (nếu có) của anh Phạm Hoàng L. Sau khi nhận được công văn, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội - Công an tỉnh P đã có Văn bản số: 566/PC06 (Đ6) ngày 09/9/2025 về việc cung cấp thông tin CMND như sau:

“Căn cứ tài liệu lưu trữ trong Tàng thư CMND. Kết quả tra cứu như sau:

- Tra cứu số CMND 1317744213, cấp ngày 25/3/2019 không có tài liệu cấp CMND của công dân Phạm Hoàng L.

Tra cứu mở rộng có 03 tờ khai CMND số 131474213 thể hiện thông tin cụ thể:

- Tờ khai CMND số 131474213, cấp ngày 12/06/2002.

Họ và tên: Phạm Hoàng L, sinh ngày 24/6/1985.

Nguyên quán: nt.

Họ tên bố: Phạm Bá Lưỡng; Họ tên mẹ: Hoàng Thị Hải.

- Tờ khai CMND số 131474213, cấp ngày 07/5/2010

Họ và tên: Phạm Hoàng L, sinh ngày 24/6/1985.

Nguyên quán: Thanh Đình - Lâm Thao - P

Họ tên bố: Phạm Bá Lưỡng; Họ tên mẹ: Hoàng Thị Hải.

- Tờ khai CMND số 131474213, cấp ngày 15/01/2011

Họ và tên: Phạm Hoàng L, sinh ngày 24/6/1985.

Nguyên quán: Thanh Đình - V.

Họ tên bố: Phạm Bá Lưỡng; Họ tên mẹ: Hoàng Thị Hải”.

Như vậy căn cứ vào thông tin do Công an tỉnh P cung cấp thấy rằng thông tin CMND trong hồ sơ vay vốn của anh Phạm Hoàng L tại Ngân hàng Đ là không có tài

liệu cấp CMND. Do vậy, trường hợp nếu Ngân hàng có căn cứ cho rằng CMND của anh Phạm Hoàng L trong hồ sơ vay vốn là giả thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Công an có thẩm quyền điều tra, xác minh, giải quyết theo quy định pháp luật.

[5]. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*). Anh L, chị H phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng này. Xác nhận Ngân hàng Đ đã nộp đủ số tiền 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*), buộc anh L, chị H phải trả lại số tiền 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) cho Ngân hàng Đ.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ được chấp nhận nên anh L, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 157, 158, 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; 299, 301, 323, 385, 398, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với vợ chồng anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

3. Buộc anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi còn nợ của hai Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/9/2025 là 679.734.606đ (*Sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng*). Trong đó:

- Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2023400122/HDTD/HN6-PHL ngày 25/8/2020.

+ Nợ gốc là: 352.673.000đ (*Ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

+ Nợ lãi trong hạn là: 149.774.559đ (*Một trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng*);

+ Nợ lãi quá hạn là: 115.954.932đ (*Một trăm mười lăm triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*);

+ Nợ lãi chậm trả là: 36.670.917đ (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng*).

- Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ VISA) ngày 26/7/2020.

+ Nợ gốc là: 8.499.468đ (*Tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*);

+ Nợ lãi là: 16.161.730đ (*Mười sáu triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trong trường hợp Anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: REF2023400122/HDTCHN6-PHL ngày 25/8/2020 là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, màu Trắng. Số khung: 41BBLN037363, số máy: G4LCLU355615, Biển kiểm soát: 19A - 315.79. Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049565 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/8/2020 đứng tên anh Phạm Hoàng L để thu hồi nợ theo quy định.

5. Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành xác minh, xử lý (các) tài sản và nguồn thu khác của anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

6. Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H phải chịu 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) chi phí tố tụng. Xác nhận Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*). Buộc anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H phải trả số tiền 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) cho Ngân hàng TMCP Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Anh Phạm Hoàng L và chị Hứa Thị H phải chịu 31.189.384đ (*Ba mươi một triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi tư đồng*).

- Ngân hàng TMCP Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 14.806.577đ (*Mười bốn triệu, tám trăm linh sáu nghìn, năm trăm bảy mươi bảy*

đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 0003733 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P. (Nay là Phòng Thi hành án khu vực 1 - P).

8. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - P;
- THADS tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị H

